

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	8 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 - 14
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15 - 46



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PGT Holdings (dưới đây gọi tắt là "Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty mẹ và các Công ty con ("Nhóm Công ty") bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần PGT Holdings và các công ty con: Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát ("Công ty con") và Công ty TNHH MASS Vietnam (tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Upraise) ("Công ty con") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 13) vào ngày 02 tháng 05 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là PGT.

Hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ thanh toán hồi phiếu, thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Lắp trình máy vi tính
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du học.
- Đại lý du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng
- Gia công cơ khí
- Dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép)
- Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

3440
CÔNG
KFI
CH
TH
HỒ
VH P
22
IG
PH
II
HC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Đào tạo dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Ryotaro Ohtake	Chủ tịch [miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị và bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 01/08/2020]
- Ông Kakazu Shogo	Chủ tịch [miễn nhiệm ngày 01/08/2020]
- Ông Shimabukuro Yoshihiko	Thành viên
- Bà Phạm Thị Thoa	Thành viên
- Ông Lê Minh Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Quốc Duy	Trưởng ban
- Ông Nguyễn Minh Dương	Thành viên
- Bà Bùi Thị Ngà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Kakazu Shogo	Tổng Giám đốc – người đại diện theo pháp luật
- Bà Nguyễn Thị Thanh Chi	Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc trị cam kết rằng Nhóm Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

01-G.T.
NH
NAM-
H.
HỒ
MINH
CHI MINH

01-G.T.
NH
NAM-
H.
HỒ
MINH
CHI MINH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần PGT Holdings phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kakazu Shogo
Tổng Giám đốc



Ryotaro Ohtake
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: 043/2021/BCKT-PKF.HCMC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần PGT Holdings (“Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PGT Holdings chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

Như đã trình bày ở thuyết minh 1 và 5.2, Nhóm Công ty chưa hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF), vì chúng tôi không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính, Ban Giám đốc và kiểm toán viên của Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF). Do đó, khoản đầu tư này đang được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo giá gốc. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, báo cáo tài chính của công ty con Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) phải được hợp nhất vì công ty con chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Nếu báo cáo tài chính của Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) được hợp nhất, nhiều khoản mục trong báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo sẽ bị ảnh hưởng trọng yếu. Các ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất do việc không hợp nhất báo cáo tài chính công ty con là chưa thể xác định được.

Ý kiến kiểm toán trái ngược

Theo ý kiến của chúng tôi, do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược”, báo cáo tài chính hợp nhất đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, không phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1



Võ Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4107-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.902.254.229	55.671.462.751
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	994.872.590	10.700.017.059
Tiền	111		994.872.590	5.800.017.059
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.900.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2a	3.291.985.800	16.201.600.021
Chứng khoán kinh doanh	121		16.201.600.021	16.201.600.021
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(12.909.614.221)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.910.402.463	25.828.601.042
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	36.017.842.858	46.737.575.560
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	980.645.537	2.931.679.537
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5a	-	3.171.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6a	12.583.128.216	23.156.885.395
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(40.671.214.148)	(50.168.539.450)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		40.511.921	40.511.921
Hàng tồn kho	141		40.511.921	40.511.921
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.664.481.455	2.900.732.708
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8a	248.877.504	615.413.177
Thuế GTGT, được khấu trừ	152		775.601.312	645.316.892
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	1.640.002.639	1.640.002.639
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.645.850.196	25.407.312.183
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.196.620.200	18.397.746.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5b	17.981.000.000	16.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.6b	2.215.620.200	2.397.746.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		6.097.837	676.274.329
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	6.097.837	676.274.329
- Nguyên giá	222		33.772.727	2.362.934.280
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.674.890)	(1.686.659.951)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		43.000.000	1.730.574.465
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(43.000.000)	(1.730.574.465)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	17.322.187.114	-
Đầu tư vào công ty con	251		19.650.436.818	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.328.249.704)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		120.945.045	6.333.291.854
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8b	83.595.728	140.727.308
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.11	37.349.317	6.192.564.546
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.548.104.425	81.078.774.934

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		14.447.699.781	24.491.639.060
Nợ ngắn hạn	310		14.447.699.781	24.491.639.060
Phải trả người bán ngắn hạn	311		35.632.751	11.926.338
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.412.532	38.508.532
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	93.690.495	112.442.908
Phải trả người lao động	314		585.446.872	302.111.371
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	819.917.942
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.300.000	1.100.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	2.788.004.162	3.331.212.399
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	10.928.954.613	19.874.161.213
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258.356	258.356
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.100.404.643	56.587.135.873
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	39.100.404.643	56.587.135.873
Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.418.010.000	92.418.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.418.010.000	92.418.010.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		55.260.000	55.260.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1.744.349.375)	(1.744.349.375)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(556.174.540)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.705.559.758	1.705.559.758
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(53.334.075.740)	(40.282.542.805)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(41.919.478.974)	(25.520.173.565)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.414.596.766)	(14.762.369.240)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	4.991.372.835
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.548.104.424	81.078.774.933

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Chi



Nguyễn Thị Thanh Chi



Kakazu Shogo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

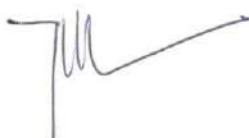
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	324.894.271	5.686.908.187
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	324.894.271	5.686.908.187
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	6.2	237.555.414	457.946.789
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.338.857	5.228.961.397
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.252.855.351	5.107.194.315
Chi phí tài chính	22	6.4	12.910.640.701	735.290.428
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		606.891.832	580.536.383
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	(335.003.761)	24.478.630.083
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.235.442.732)	(14.877.764.799)
Thu nhập khác	31		3.250.545	21.566.738
Chi phí khác	32	6.6	182.404.579	144.663.951
Lợi nhuận khác	40		(179.154.034)	(123.097.213)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(11.414.596.766)	(15.000.862.012)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.414.596.766)	(15.000.862.012)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(11.414.596.766)	(14.762.369.240)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	(238.492.772)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(1.289)	(1.667)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(1.289)	(1.667)

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Chi



Nguyễn Thị Thanh Chi



Kakazu Shogo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(11.414.596.766)	(15.000.862.012)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.628.792	1.810.031.030
- Các khoản dự phòng	03	3.512.466.295	9.647.542.260
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.706.600)	671.185.628
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.115.972.375)	(4.382.249.196)
- Chi phí lãi vay	06	606.891.832	580.536.383
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.410.288.822)	(6.673.815.907)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.065.456.175	(13.774.625.756)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	442.406.028	1.922.771.429
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	177.077.376	(322.210.910)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.725.349.244)	(18.847.881.143)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.269.180.479)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(29.232.849.021)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.190.000.000	1.690.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(12.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	26.574.200.966
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	413.390.438	844.557.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.603.390.438	(13.893.271.500)

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.700.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.700.000.000)	-
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
	50	(4.121.958.806)	(32.741.152.643)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.116.831.396	43.441.169.702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	994.872.590	10.700.017.059

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Chi

Nguyễn Thị Thanh Chi

Kakazu Shogo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PGT Holdings tiền thân là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2007, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 13) vào ngày 02 tháng 05 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là PGT.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ thanh toán hối phiếu, thông tin tỷ lệ lượng và tư vấn chứng khoán);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Lập trình máy vi tính
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác có liên quan đến máy vi tính;
- Dịch vụ tư vấn du học.
- Đại lý du lịch: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng
- Gia công cơ khí
- Dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép)
- Hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Đào tạo dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 03 (ba) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 (hai) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01 (một) công ty

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	Lầu 12 Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Hoạt động tư vấn quản lý. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MASS Vietnam (tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Upraise) (i)	Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ. Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Vận tải hành khách, hàng hóa đường thủy nội địa. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động. Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm	100,00%	100,00%

(i) Công ty TNHH MASS Vietnam (tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Upraise) là công ty con của Công ty do tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát (là công ty con mà Công ty nắm giữ 100,00% quyền biểu quyết) là 100,00%. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MASS Vietnam là 100,00%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Danh sách các công ty con quan trọng không được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) (*)	Số 192, Myanmar Plaza 9 Floor, Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar	Hoạt động như một tổ chức tài chính vi mô nhận tiền gửi khắp Myanmar, cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho phân khúc thị trường thấp hơn và tham gia vào tất cả các hoạt động khác được cho phép hợp lý bởi Cơ quan giám sát tài chính vi mô	70,00%	70,00%

(*) Do tình hình dịch bệnh Covid 19 và tình hình chính trị bất ổn tại Myanmar trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 nên Công ty không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính, Ban Giám đốc và kiểm toán viên của Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của nhóm Công ty.

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần PGT Holdings ("Công ty mẹ") và hai công ty con: Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát ("Công ty con") và Công ty TNHH MASS Vietnam (tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Upraise) ("Công ty con"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Lợi thế Thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ), được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.4. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn và có kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.6. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Hàng hóa Bình quân gia quyền

4.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Nhóm công ty như sau:

- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 – 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.10. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

4.11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Nhóm Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.13. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam. Các chính sách thuế này không bao gồm chính sách thuế theo quy định hiện hành của Myanmar áp dụng cho Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) ("công ty con") do Công ty này không được hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	39.333.493	189.253.677
Tiền gửi ngân hàng	955.539.097	5.610.763.381
Các khoản tương đương tiền	-	4.900.000.000
Cộng	994.872.590	10.700.017.059

(Xem tiếp trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn chưa niêm yết	16.201.600.021	(12.909.614.221)	16.201.600.021	-
Tổng giá trị cổ phiếu (i)	16.201.600.021	(12.909.614.221)	16.201.600.021	-
Cộng	16.201.600.021	(12.909.614.221)	16.201.600.021	-

(i) Là khoản đầu tư mua cổ phiếu Ngân hàng. Số lượng cổ phiếu Nhóm Công ty sở hữu tại ngày 31/12/2020 là 1.828.881 cổ phiếu với tổng giá trị là 16.201.600.021 đồng.

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con	19.650.436.818	(2.328.249.704)	19.650.436.818	(2.934.115.267)
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF)	19.650.436.818	(2.328.249.704)	19.650.436.818	(2.934.115.267)
Cộng	19.650.436.818	(2.328.249.704)	19.650.436.818	(2.934.115.267)

Chi tiết các khoản đầu tư

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Tỷ lệ (%) phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu quyết năm giữ	Tỷ lệ (%) phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu quyết năm giữ
Cộng ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) (i)	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Cộng			19.650.436.818	19.650.436.818

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(i) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ-PGT ngày 31/10/2017. Công ty đầu tư với số tiền là 19.650.436.818 đồng chiếm 70,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF) đang hoạt động như một tổ chức Tài chính vi mô nhận tiền gửi trên khắp Myanmar, cung cấp dịch vụ tài chính vi mô cho phân khúc thị trường thấp hơn và tham gia vào tất cả các hoạt động khác được Cơ quan giám sát tài chính vi mô của nước sở tại cho phép.

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 và tình hình chính trị bất ổn tại Myanmar trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 nên Công ty không được tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính, Ban Giám đốc và kiểm toán viên của Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF). Do đó, khoản đầu tư này đang được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo giá gốc.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
<i>Phải thu khách hàng là bên thứ ba</i>	36.017.842.858	46.737.575.560
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	1.194.873.000
- Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900
- Công ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182
- Công ty Cổ phần Kết cấu Thép Thành Long Vineco	208.963.377	208.963.377
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393	137.870.393
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thi công Cơ giới Tây Đô	130.200.000	130.200.000
- Phải thu khách hàng của hoạt động cho vay (hoạt động kinh doanh chính) của Công ty TNHH BMF MicroFinance	-	10.717.800.214
- Các khách hàng khác	423.661.331	425.593.819
Cộng	36.017.842.858	46.737.575.560

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
- Công ty Global Mobility Service Inc	-	1.892.916.000
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan	535.920.000	535.920.000
- Công ty TNHH Tư vấn Toàn Long	190.000.000	200.000.000
- Các nhà cung cấp khác	254.725.537	302.843.537
Cộng	980.645.537	2.931.679.537

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.5 Phải thu về cho vay

a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Phải thu về cho vay là bên thứ ba	-	3.171.000.000
- Công ty TNHH Hào Quang	-	3.171.000.000
Cộng	-	3.171.000.000

b. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Phải thu về cho vay là bên thứ ba	17.981.000.000	16.000.000.000
- Công ty TNHH Hào Quang (i)	1.981.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vietnam Manpower Supply (ii)	16.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	17.981.000.000	16.000.000.000

(i) Cho Công ty TNHH Hào Quang vay theo hợp đồng 010419/2019/HĐCV ngày 03/04/2019 và Phụ lục hợp đồng ký ngày 29/05/2020. Khoản cho vay này có lãi suất 5,7%/năm với thời hạn cho vay đến ngày 27/03/2022.

(ii) Cho Công ty Cổ phần Vietnam Manpower Supply vay theo hợp đồng 05/2019/HĐVT/PGT-MP ngày 23/12/2019. Khoản cho vay này có lãi suất 5%/năm với thời hạn cho vay từ ngày 23/12/2019 đến ngày 22/12/2021.

(Xem tiếp trang 29)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.6 Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	139.867.100	4.617.100	261.878.347	-
- Ông Kakazu Shogo (*)	-	-	173.601.403	-
- Các nhân viên khác	139.867.100	4.617.100	88.276.944	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	248.937.768	-
Phải thu khác	12.443.261.116	3.991.164.303	22.646.069.280	12.931.664.303
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki	-	-	8.940.500.000	8.940.500.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Freeway (i)	6.986.000.000	-	6.986.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hiệp Thành An (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vinaterrace Hotels	434.000.000	-	434.000.000	-
- Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	264.178.662	264.178.662	264.178.662
- Công ty Cổ phần PGT Japan (iii)	104.374.750	-	104.374.750	-
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay dự thu	856.924.115	-	154.342.178	-
- Lãi tiền cho vay dự thu của hoạt động cho vay (hoạt động kinh doanh chính) của Công ty TNHH BMF MicroFinance	-	-	2.028.535.918	-
- Phải thu khác	797.783.589	726.985.641	734.137.773	726.985.641
Cộng	12.583.128.216	3.995.781.403	23.156.885.395	12.931.664.303

(i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc ngày 29/06/2017 để đảm bảo cho việc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Freeway sẽ chuyển nhượng 100% phần vốn góp của mình tại Công ty con với tổng số tiền chuyển nhượng phần vốn góp là 7.000.000.000 đồng.

(ii) Là khoản đặt cọc theo thỏa thuận đặt cọc ngày 29/12/2015 để Công ty Cổ phần Hiệp Thành An cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyển nhượng dự án bất động sản.

(iii) Chi phí pháp lý về khoản đầu tư ra nước ngoài theo Nghị quyết 13/2019/QĐ-HDQT-PGT ngày 19/04/2019 về việc chấp thuận đầu tư ra nước ngoài theo hình thức mua lại toàn bộ cổ phần và điều hành tại Công ty.

(*) Là bên có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	2.215.620.200	-	2.397.746.000	-
- Công ty Cổ phần Nhà Hòa Bình (i)	215.620.200	-	397.746.000	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh (ii)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	2.215.620.200	-	2.397.746.000	-

(i) Là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng tại Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê số 03/2018/HDTVP/P11/HBH-HOLDINGS ngày 03/02/2018 và các phụ lục hợp đồng đã ký kết. Thời gian thuê từ ngày 03/02/2018 đến hết ngày 02/02/2026.

(ii) Là khoản ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Cống Quỳnh theo Hợp đồng ký quỹ số 02/HĐKQ-SCBCQ.19 ngày 14/08/2019 để duy trì hoạt động kinh doanh ngành nghề cho thuê lại lao động. Kỳ hạn 36 tháng, lãi suất 7,3%/năm.

(Xem tiếp trang 31)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	40.671.214.148		60.180.296.725	10.011.757.275
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000		27.855.320.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki	-		8.940.500.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675		5.207.287.675	-
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000		1.194.873.000	-
- Công ty Cổ phần Hiệp Thành An	3.000.000.000		3.000.000.000	-
- Công ty TNHH XD SX TM Lê Hoàn	561.919.900		561.919.900	-
- Công ty TNHH Hoa Lâm Japan	535.920.000		535.920.000	-
- Công Ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182		297.747.182	-
- Ông Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662		264.178.662	-
- Công Ty CP Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	208.963.377		208.963.377	-
- Nguyễn Văn Thủy	137.870.393		137.870.393	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thi công Cơ giới Tây Đô	130.200.000		130.200.000	-
- Các khách hàng khác	1.276.933.959		1.127.716.322	-
- Phải thu khách hàng của hoạt động cho vay (hoạt động kinh doanh chính) của Công ty TNHH BMF MicroFinance	-		10.717.800.214	10.011.757.275

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Số đầu năm	50.168.539.450	40.520.997.190
Trích lập dự phòng	149.217.637	9.647.542.260
Hoàn nhập dự phòng	(8.940.500.000)	-
Giảm khoản dự phòng khoản phải thu khách hàng của hoạt động cho vay (hoạt động kinh doanh chính) của Công ty TNHH BMF MicroFinance do Công ty con không được hợp nhất	(706.042.939)	-
Số cuối năm	40.671.214.148	50.168.539.450

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8 Chi phí trả trước**a Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Công cụ, dụng cụ	4.291.667	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.585.837	615.413.177
Cộng	248.877.504	615.413.177

b Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Công cụ, dụng cụ	26.387.195	68.028.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.208.533	72.698.574
Cộng	83.595.728	140.727.308

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Là thiết bị, dụng cụ quản lý.

	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Số đầu năm	2.362.934.280	1.686.659.951	676.274.329
Tăng trong năm	-	5.628.792	
Giảm trong năm	(111.921.402)	(111.921.402)	
Giảm tài sản cố định của Công ty TNHH BMF MicroFinance do Công ty con không được hợp nhất	(2.217.240.151)	(1.552.692.451)	
Số cuối năm	33.772.727	27.674.890	6.097.837

(Xem tiếp trang 33)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán (VND)	Phần mềm quản lý tài chính (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá			
01/01/2020	43.000.000	1.687.574.465	1.730.574.465
Giảm tài sản cố định của Công ty TNHH BMF MicroFinance do Công ty con không được hợp nhất	-	(1.687.574.465)	(1.687.574.465)
31/12/2020	43.000.000	-	43.000.000
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	43.000.000	-	43.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	43.000.000	1.687.574.465	1.730.574.465
Giảm tài sản cố định của Công ty TNHH BMF MicroFinance do Công ty con không được hợp nhất	-	(1.687.574.465)	(1.687.574.465)
Khấu hao trong năm	-	-	-
31/12/2020	43.000.000	-	43.000.000
Giá trị còn lại			
01/01/2020	-	-	-
31/12/2020	-	-	-

5.11 Lợi thế thương mại

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Số đầu năm	6.192.564.546	6.906.911.661
Giảm lợi thế thương mại của Công ty TNHH BMF MicroFinance do Công ty con không được hợp nhất	(6.150.546.565)	-
Phân bổ trong năm	(4.668.665)	(714.347.115)
Số cuối năm	37.349.317	6.192.564.546

Chi tiết:

	Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày đầu tư (VND)	Lũy kế phân bổ đầu kỳ (VND)	Phân bổ trong kỳ (VND)	Giảm do Công ty con không được hợp nhất (VND)	Số cuối kỳ (VND)
Công ty TNHH BMF MicroFinance (BMF)	7.096.784.498	(946.237.933)	-	(6.150.546.565)	-
Công ty TNHH MASS Vietnam (tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Upraise)	46.686.646	(4.668.665)	(4.668.665)	-	37.349.317
Tổng cộng	7.143.471.144	(950.906.598)	(4.668.665)	(6.150.546.565)	37.349.317

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần PGT Holdings	93.690.495	93.690.495	112.367.908	112.367.908
Thuế thu nhập cá nhân	93.690.495	93.690.495	112.367.908	112.367.908
Tại Công ty TNHH MTV Vinh Đại Phát	-	-	75.000	75.000
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	75.000	75.000
Cộng	93.690.495	93.690.495	112.442.908	112.442.908

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Phải trả khác

Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Kinh phí công đoàn	17.665.453	1.634.400
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	36.113.820	1.600.888.419
- Nhận ký quỹ từ khách hàng của hoạt động cho vay (hoạt động kinh doanh chính) của Công ty TNHH BMF MicroFinance	-	1.564.774.599
- Các khoản nhận ký quỹ khác	36.113.820	36.113.820
Phải trả khác	2.734.224.889	1.728.689.581
Các khoản phải trả khác là bên liên quan	1.207.428.215	-
- Công ty Cổ phần All Corporation - Lãi vay phải trả	1.187.428.215	-
- Ông Kakazu Shogo	20.000.000	-
Các khoản phải trả khác là bên độc lập	1.526.796.674	1.728.689.581
- Cổ tức phải trả	633.295.050	633.295.050
- Thù lao Hội đồng quản trị	891.029.600	738.029.600
- Các khoản phải trả khác	2.472.024	357.364.931
Cộng	2.788.004.162	3.331.212.399

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020 (VND)	Nhận tiền vay trong kỳ (VND)	Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ (VND)	Trả tiền vay trong kỳ (VND)	31/12/2020 (VND)
- Công ty Cổ phần All Corporation (i)	19.874.161.213	-	(4.706.600)	(8.940.500.000)	10.928.954.614
- Bà Yamazaki Hitomi	-	1.700.000.000		(1.700.000.000)	-
Cộng	19.874.161.213	1.700.000.000	(4.706.600)	(8.940.500.000)	10.928.954.614

(i) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần All Corporation (là bên có liên quan) theo Hợp đồng cho vay số 01/2018/HĐCV ngày 17/05/2018, Phụ lục hợp đồng ngày 24/06/2019 và phụ lục hợp đồng ngày 04/06/2020 với số tiền vay 855.538,58 USD. Mục đích vay là để thực hiện thanh toán một phần tiền đặt cọc cho việc thu mua dự án Trung tâm thương mại - Dịch vụ - Cao ốc văn phòng - Khách sạn quốc tế - căn hộ tại số 485 Nguyễn Tất Thành, quận 4, TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn vay đến hết ngày 24/05/2021, lãi suất cho vay 5%/năm tính từ ngày ký phụ lục.

(Xem tiếp trang 36)

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: Lầu 12, Tòa Nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát (VND)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (VND)	Tổng (VND)
01/01/2019	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(25.520.173.564)	5.001.475.120	(1.089.085.677)	70.826.696.261
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(14.762.369.240)	(238.492.772)	-	(15.000.862.012)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo của Công ty con ở nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2019	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(40.282.542.804)	4.991.372.835	(556.174.540)	56.587.135.873
01/01/2020	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(40.282.542.804)	4.991.372.835	(556.174.540)	56.587.135.873
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(11.414.596.766)	-	-	(11.414.596.766)
Giảm do Công ty TNHH BMF MicroFinance không được hợp nhất	-	-	-	-	(1.636.936.170)	(4.991.372.835)	556.174.540	(6.072.134.465)
31/12/2020	92.418.010.000	55.260.000	(1.744.349.375)	1.705.559.758	(53.334.075.740)	-	-	39.100.404.643

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	(VND)	(VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.241.801	9.241.801
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(384.196)	(384.196)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(384.196)	(384.196)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.857.605	8.857.605
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.857.605	8.857.605

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	92.418.010.000	92.418.010.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.418.010.000	92.418.010.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	(VND)	(VND)
Tổng doanh thu	324.894.271	5.686.908.187
Doanh thu dịch vụ đào tạo	-	976.670.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho vay (hoạt động kinh doanh chính) của Công ty TNHH BMF MicroFinance	-	4.406.914.602
Doanh thu cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn	324.894.271	303.323.585
Tổng doanh thu thuần	324.894.271	5.686.908.187

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Giá vốn dịch vụ đào tạo	-	112.359.256
- Giá vốn dịch vụ cho vay (hoạt động kinh doanh chính) của Công ty TNHH BMF MicroFinance	-	229.685.435
- Giá vốn dịch vụ khác	237.555.414	115.902.098
Cộng	237.555.414	457.946.789

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	3.383.349.984
- Lãi tiền gửi ngân hàng	5.949.345	844.557.034
- Lãi cho vay	1.115.972.375	154.342.178
- Lãi chênh lệch tỷ giá	118.517.262	331.821.823
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.416.369	393.123.296
Cộng	1.252.855.351	5.107.194.315

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Chi phí lãi vay	606.891.832	580.536.383
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	12.303.748.658	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	154.682.366
- Chi phí tài chính khác	211	71.679
Cộng	12.910.640.701	735.290.428

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	5.144.882.078	6.844.690.989
- Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	2.790.300	44.753.655
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.628.791	782.493.443
- Thuế, phí và lệ phí	6.539.765	11.400.000
- (Hoàn nhập)/dự phòng nợ phải thu khó đòi	(8.791.282.363)	9.646.542.260
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.288.876.736	6.329.595.547
- Chi phí bằng tiền khác	2.892.267	104.807.073
- Phân bổ lợi thế thương mại	4.668.665	714.347.115
Cộng	(335.003.761)	24.478.630.083

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6. Chi phí khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Phạt vi phạm hợp đồng	182.125.800	-
- Nộp phạt vi phạm hành chính	232.618	123.986.763
- Chi phí khác	46.161	20.677.188
Cộng	182.404.579	144.663.951

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
- Chi phí nhân viên	5.326.268.192	7.060.328.707
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.790.300	47.305.929
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.628.791	1.810.031.030
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.358.246.036	5.312.129.322
- Chi phí bằng tiền khác	9.432.032	345.892.508
Cộng	8.702.365.351	14.575.687.497

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Phát sinh tại công ty Mẹ (Công ty Cổ phần PGT Holdings)	-	-
Phát sinh tại công ty Con (Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát)	-	-
Phát sinh tại công ty Con (Công ty TNHH MASS Vietnam (tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Upraise))	-	-
Cộng	-	-

6.9. Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.414.596.766)	(14.762.369.240)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.414.596.766)	(14.762.369.240)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.857.605	8.857.605
Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(1.289)	(1.667)
Lãi/lỗ suy giảm trên cổ phiếu	(1.289)	(1.667)

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi cho vay chưa thu được bằng tiền	856.924.115	154.342.178
Thu tiền thanh lý khoản đầu tư năm trước chưa thu	-	11.000.000.000
Lãi vay chưa trả	1.187.428.215	580.536.383

8 THÔNG TIN KHÁC**8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác:** không có**8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2020) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8.3. Thông tin về các bên có liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lương thưởng của Ban Tổng Giám đốc	2.215.953.334	2.004.300.000
Thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị	468.000.000	468.000.000
Cộng	2.683.953.334	2.472.300.000

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh giữa Nhóm Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tạm ứng	275.003.882	493.602.229
Hoàn ứng	448.605.285	730.325.519
Mượn tiền	960.000.000	-
Thanh toán tiền mượn	940.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan sau:

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tạm ứng của công nhân viên	-	173.601.403
Cộng nợ phải thu	-	173.601.403
	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Phải trả ngắn hạn khác	20.000.000	-
Cộng nợ phải trả	20.000.000	-

Các bên liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần All Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Công ty Cổ phần All Corporation		
Trả tiền vay trong năm	8.940.500.000	-
Lãi vay	606.891.832	580.536.383

Số dư với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10.928.954.614	19.874.161.213
Công ty Cổ phần All Corporation	10.928.954.614	19.874.161.213
Phải trả khác	1.187.428.215	-
Công ty Cổ phần All Corporation	1.187.428.215	-
Chi phí phải trả	-	580.536.383
Công ty Cổ phần All Corporation	-	580.536.383
Cộng nợ phải trả	12.116.382.829	20.454.697.596

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.4. Công cụ tài chính

Nhóm Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Nhóm Công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

(Xem tiếp trang 44)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
31/12/2020			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	994.872.590	-	994.872.590
Đầu tư tài chính	16.201.600.021	-	16.201.600.021
Phải thu khách hàng	36.017.842.858	-	36.017.842.858
Phải thu về cho vay	-	17.981.000.000	17.981.000.000
Các khoản phải thu khác	12.583.128.216	2.215.620.200	14.798.748.416
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(52.899.307.832)	-	(52.899.307.832)
Tổng cộng	12.898.135.853	20.196.620.200	33.094.756.053
31/12/2020			
Phải trả cho người bán	35.632.751	-	35.632.751
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	2.788.004.162	-	2.788.004.162
Vay và nợ thuê tài chính	10.928.954.613	-	10.928.954.613
Tổng cộng	13.752.591.526	-	13.752.591.526
Chênh lệch thanh khoản thuần	(854.455.673)	20.196.620.200	19.342.164.527
01/01/2020			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.700.017.059	-	10.700.017.059
Đầu tư tài chính	16.201.600.021	-	16.201.600.021
Phải thu khách hàng	46.737.575.560	-	46.737.575.560
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.171.000.000	16.000.000.000	19.171.000.000
Các khoản phải thu khác	23.156.885.395	2.397.746.000	25.554.631.395
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(49.632.619.450)	-	(49.632.619.450)
Tổng cộng	50.334.458.585	18.397.746.000	68.732.204.585
01/01/2020			
Phải trả cho người bán	11.926.338	-	11.926.338
Chi phí phải trả	819.917.942	-	819.917.942
Phải trả khác	3.331.212.399	-	3.331.212.399
Vay và nợ thuê tài chính	19.874.161.213	-	19.874.161.213
Tổng cộng	24.037.217.893	-	24.037.217.893
Chênh lệch thanh khoản thuần	26.297.240.692	18.397.746.000	44.694.986.692

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	994.872.590	10.700.017.059	994.872.590	10.700.017.059
Đầu tư tài chính	16.201.600.021	16.201.600.021	3.291.985.800	16.201.600.021
Phải thu khách hàng	36.017.842.858	46.737.575.560	23.930.650	10.036.620.413
Phải thu về cho vay ngắn hạn	17.981.000.000	19.171.000.000	17.981.000.000	19.171.000.000
Các khoản phải thu khác	14.798.748.416	25.554.631.395	10.802.967.013	12.622.967.092
Tổng cộng	85.994.063.885	118.364.824.034	33.094.756.053	68.732.204.585
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	35.632.751	11.926.338	35.632.751	11.926.338
Chi phí phải trả	-	819.917.942	-	819.917.942
Phải trả khác	2.788.004.162	3.331.212.399	2.788.004.162	3.331.212.399
Vay và nợ thuê tài chính	10.928.954.613	19.874.161.213	10.928.954.613	19.874.161.213
Tổng cộng	13.752.591.526	24.037.217.893	13.752.591.526	24.037.217.893

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2020 và ngày 01/01/20 Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.5. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Nhóm Công ty đã được kiểm toán.

8.6. Tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.7. Thông tin về bộ phận

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là hoạt động cho thuê văn phòng. Công ty không tiến hành lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận".

Ngày 29 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thanh Chi

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Chi

TỔNG GIÁM ĐỐC




M.S.D.N: 0303527483 - C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PGT HOLDINGS
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kakazu Shogo

